

Hà nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ

Hướng dẫn hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/7/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế xây dựng,

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (EPC).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn về hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 37/2015/NĐ-CP), bao gồm: nguyên tắc áp dụng hợp đồng EPC; công tác chuẩn bị và ký kết hợp đồng EPC; quản lý thực hiện hợp đồng EPC; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia hợp đồng EPC; tổng thầu EPC; hướng dẫn áp dụng mẫu hợp đồng EPC.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với các quy định tại Thông tư này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xác lập và quản lý thực hiện hợp đồng EPC thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Điều 1 Thông tư này.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác lập và quản lý thực hiện hợp đồng EPC không thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Điều 1 Thông tư áp dụng quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng hợp đồng EPC

1. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất và quy mô của từng dự án, gói thầu EPC và các quy định của pháp luật Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định áp dụng hình thức hợp đồng EPC cho các dự án, gói thầu xây dựng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng.

2. Hợp đồng EPC chỉ áp dụng đối với những dự án, gói thầu xây dựng cần rút ngắn thời gian thực hiện; những dự án, gói thầu xây dựng có yêu cầu cao về kỹ thuật, công nghệ và phải đảm bảo tính đồng bộ từ khâu thiết kế, cung cấp thiết bị, thi công xây dựng công trình đến khâu đào tạo vận hành, chuyển giao công trình.

3. Bên nhận thầu thực hiện hợp đồng EPC phải có đủ điều kiện về kinh nghiệm, năng lực tài chính, năng lực hành nghề và năng lực hoạt động đối với toàn bộ phạm vi công việc cần thực hiện của hợp đồng EPC gồm năng lực về: thiết kế, cung cấp thiết bị, cung cấp dịch vụ đào tạo, vận hành, chuyển giao công nghệ, thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Bên nhận thầu EPC không được giao thầu phụ quá 60% khối lượng công việc thuộc phạm vi hợp đồng EPC.

4. Việc quản lý chi phí hợp đồng EPC không được vượt giá hợp đồng EPC đã ký kết theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng EPC.

5. Hồ sơ thiết kế của các dự án, gói thầu áp dụng hợp đồng EPC phải đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều 54 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

6. Việc ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng EPC phải phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng.

Điều 4. Công tác chuẩn bị và ký kết hợp đồng EPC

1. Trong quá trình chuẩn bị, ký kết và thực hiện hợp đồng, khuyến khích bên nhận thầu đề xuất các sáng kiến, biện pháp hoặc vận dụng kinh nghiệm của mình để hoàn thành các công việc theo hợp đồng EPC, bảo đảm an toàn, chất lượng, tiến độ, mục tiêu, yêu cầu và nâng cao hiệu quả của dự án, gói thầu.

2. Trước khi ký kết hợp đồng EPC các bên phải thỏa thuận cụ thể những nội dung chủ yếu sau:

- a) Phạm vi công việc dự kiến thực hiện theo hợp đồng EPC;
- b) Vị trí xây dựng, hướng tuyến công trình, loại, cấp công trình; quy mô, công suất và phương án sản phẩm được lựa chọn, năng lực khai thác sử dụng;
- c) Các thông tin về các tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thủy văn của khu vực nơi xây dựng công trình;
- d) Các yêu cầu về thiết kế xây dựng và một số thông số thiết kế ban đầu;
- đ) Các phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị và thương mại; xuất xứ thiết bị, sản phẩm;
- e) Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài phạm vi công trình; giải pháp phòng, chống cháy, nổ thuộc phạm vi của gói thầu EPC;
- g) Giải pháp về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng;
- h) Các yêu cầu về quản lý chất lượng công trình xây dựng, thử nghiệm, vận hành chạy thử, bảo hành và bảo trì công trình;
- i) Giải pháp về kiến trúc, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng công trình, các kích thước, kết cấu chính của công trình xây dựng thuộc phạm vi của gói thầu EPC;
- k) Danh mục và mức độ áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được sử dụng trong thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng công trình;
- l) Các chỉ dẫn kỹ thuật đối với vật tư, thiết bị, dịch vụ kỹ thuật;
- m) Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của bên nhận thầu đối với gói thầu, gồm: năng lực về thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình;
- n) Yêu cầu về bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và những vấn đề khác.
- o) Các yêu cầu liên quan đến các thủ tục phê duyệt; số lượng các loại hồ sơ, tài liệu và mốc thời gian phải nộp cho bên giao thầu;
- p) Kế hoạch tiến độ thực hiện và các mốc hoàn thành những công việc, hạng mục công trình chủ yếu và toàn bộ công trình để đưa vào khai thác, sử dụng;
- q) Phân định trách nhiệm giữa bên giao thầu và bên nhận thầu về cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc, đường giao thông nội bộ và các dịch vụ khác có

sẵn trên công trường và việc xử lý giao diện giữa các gói thầu trong cùng một dự án xây dựng;

3. Chuẩn bị hợp đồng EPC

Các điều khoản, điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng EPC được chuẩn bị phải phù hợp với các nội dung được hướng dẫn tại Điều 18 của Thông tư này.

4. Ký kết hợp đồng EPC

a) Hợp đồng EPC chỉ được ký kết khi đáp ứng được các nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng quy định tại Điều 4 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

b) Yêu cầu đối với bên nhận thầu EPC

Bên nhận thầu thực hiện hợp đồng EPC phải có đủ năng lực hoạt động, năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, cụ thể:

- Có đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung công việc gói thầu. Trường hợp bên nhận thầu liên danh thì phải có thỏa thuận liên danh, trong đó phải có một nhà thầu đại diện liên danh, đóng vai trò là nhà thầu đứng đầu liên danh, chịu trách nhiệm chung và phải có cam kết thực hiện công việc theo phân giao trách nhiệm giữa các nhà thầu, từng nhà thầu trong liên danh phải có đăng ký kinh doanh phù hợp với công việc được phân giao;

- Có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm để thực hiện công việc theo hợp đồng EPC như: có kinh nghiệm về thiết kế; có khả năng, kinh nghiệm làm nhà thầu xây dựng các dự án, gói thầu với yêu cầu kỹ thuật và quy mô tương đương; trong cơ cấu tổ chức của bên nhận thầu có các đơn vị đầu mối về tư vấn thiết kế, gia công chế tạo, cung ứng vật tư, thiết bị và thi công xây dựng;

- Có khả năng đáp ứng được các yêu cầu tài chính của dự án, gói thầu và chứng minh được khả năng huy động để thực hiện hợp đồng EPC.

c) Việc thương thảo và ký kết hợp đồng EPC được căn cứ vào các yêu cầu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt hoặc văn bản chỉ định thầu của cấp có thẩm quyền.

d) Thời gian tiến hành thương thảo và ký kết hợp đồng phải phù hợp với tiến độ chung và bảo đảm hiệu quả thực hiện dự án;

Điều 5. Quản lý thực hiện hợp đồng EPC

Việc quản lý thực hiện hợp đồng EPC thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Quản lý phạm vi thực hiện các công việc theo mục tiêu của gói thầu và theo danh mục công việc trong hợp đồng đã ký kết; kiểm tra tính chính xác, sự đầy đủ và phù hợp của các tài liệu khảo sát, thiết kế, tài liệu kỹ thuật được áp dụng cho các công việc của hợp đồng EPC.

2. Quản lý tiến độ thực hiện các công việc phù hợp với tiến độ chung của dự án và hợp đồng EPC đã ký kết.

3. Kiểm tra, quản lý chất lượng, khối lượng các công việc cần thực hiện theo hợp đồng EPC.

4. Quản lý chi phí thực hiện các công việc theo hợp đồng EPC; kiểm soát, thanh toán và điều chỉnh giá hợp đồng EPC.

5. Quản lý an toàn, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường;

6. Quản lý điều chỉnh hợp đồng EPC và các nội dung cần thiết khác của hợp đồng EPC.

Điều 6. Quản lý công tác khảo sát xây dựng và thiết kế xây dựng thuộc phạm vi của hợp đồng EPC

1. Công tác khảo sát xây dựng thuộc phạm vi của hợp đồng EPC phải tuân thủ quy định tại Mục 1 Chương IV Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Chương II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP); Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quản lý công tác thiết kế xây dựng

a) Công việc thiết kế xây dựng thuộc phạm vi của hợp đồng EPC phải tuân thủ các quy định về thiết kế được quy định tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Chương III Nghị định số 46/2015/NĐ-CP; Mục 1 Chương III Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 59/2015/NĐ-CP); Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; quy định của pháp luật có liên quan.

b) Quản lý thẩm định, thẩm tra, phê duyệt và điều chỉnh thiết kế xây dựng: